

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 05 /2014/QĐ-UBND

Nha Trang, ngày 10 tháng 02/năm 2014

THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
TỈNH KHÁNH HÒA	
ĐẾN	Cố đến: 460
ĐẾN	Ngày đến: 12/02/14

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Quản lý hoạt động khai thác thủy sản
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản và Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005;

Căn cứ Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển;

Căn cứ Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1999/SNN-TTr ngày 23/10/2013,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, bãi bỏ Quyết định số 341/QĐ-UB ngày 12/5/1992 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành bản Quy định về quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT (b/c);
- TT TU tỉnh (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT công báo tỉnh;
- Đài PTTH Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa;
- Lưu VT, HP, HB, phòng NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 05 /2014/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 2 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về quản lý hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân, lực lượng vũ trang trong tỉnh, ngoài tỉnh có hoạt động trong lĩnh vực thủy sản tại tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Nguồn lợi thủy sản là tài nguyên sinh vật vô cùng quý giá có khả năng tái tạo, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân.

Khai thác thủy sản một cách bền vững phải đi đôi với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, nhằm đảm bảo lợi ích lâu dài của nhân dân và hiệu quả kinh tế cho toàn xã hội.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động khai thác thủy sản bền vững và dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản, đóng mới phương tiện tàu cá nhằm góp phần nâng cao hiệu quả về kinh tế; thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật để bảo vệ, phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi gây tác hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến nguồn lợi thủy sản hoặc môi trường sống của chúng.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Khu vực và các nghề cấm khai thác thủy sản

1. Quy định đối với các tàu cá hoạt động tại các vùng khai thác thủy sản
 - a) Tàu lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên khai thác thủy sản tại vùng khơi và vùng biên cả, không được khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ và vùng lộng.

b) Tàu lắp máy có tổng công suất máy chính từ 20 CV đến dưới 90 CV khai thác hải sản tại vùng lộng và vùng khơi, không được khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ và vùng biển cả.

c) Tàu lắp máy có công suất máy chính dưới 20 CV hoặc tàu không lắp máy khai thác hải sản tại vùng biển ven bờ không được khai thác thủy sản tại vùng lộng, vùng khơi và vùng biển cả.

d) Các tàu làm nghề lưới vây cá nổi nhỏ, nghề khai thác nhuyễn thể không bị giới hạn công suất khi hoạt động khai thác trong vùng biển ven bờ và vùng lộng.

đ) Ngoài quy định về công suất máy chính của tàu, tàu khai thác hải sản còn phải đáp ứng đầy đủ quy định về đảm bảo an toàn khi tàu hoạt động trên từng vùng biển.

2. Nghiêm cấm các hành vi khai thác thủy sản bằng chất nổ, xung điện, chất độc.

3. Cấm tất cả các nghề lưới kéo (giã cào, cào sò), trừ nghề lưới kéo moi/ruốt ở tầng nước mặt, khai thác thủy sản tại các đầm, vịnh (vịnh Cam Ranh, vịnh Nha Trang, đầm Nha Phu, đầm Thủy Triều, vịnh Vân Phong).

4. Nghiêm cấm các hành vi khai thác san hô dưới mọi hình thức.

5. Cấm các nghề hoặc công cụ chuyên khai thác cá Nóc, trừ trường hợp được phép của cơ quan có thẩm quyền.

6. Cấm tất cả các nghề khai thác thủy sản hoạt động trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái của Khu Bảo tồn biển Hòn Mun.

7. Nghề lờ dây không được phép khai thác tại đầm Nha Phu, đầm Thủy Triều, vịnh Nha Trang, vịnh Cam Ranh, vịnh Vân Phong và các vùng nước thuộc cửa sông, cửa lạch.

8. Cấm đặt bẫy, nhử khai thác tôm hùm giống trên vịnh Nha Trang.

9. Cấm các nghề đăng, đáy hoạt động trong đầm Thủy Triều, đầm Nha Phu.

10. Cấm sử dụng ngư cụ khai thác có kích thước mắt lưới nhỏ hơn qui định theo phụ lục 2, phụ lục 3 tại Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Điều 4. Quản lý nghề và phương tiện

1. Tất cả các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản phải làm đơn xin cấp các loại giấy phép và chỉ được hoạt động khi đã được cấp các loại giấy phép theo quy định; các phương tiện hoạt động khai thác, dịch vụ thủy sản, nuôi trồng, chế biến phải được kiểm tra, đăng ký, đăng kiểm (đối với các trường hợp phải thực hiện theo quy định).

2. Người lao động trên các phương tiện khai thác thủy sản phải đăng ký, có tên trong Sổ Danh bạ thuyền viên và phải có các văn bằng, chứng chỉ hợp pháp (đối với trường hợp phải thực hiện theo quy định).

3. Tàu, thuyền khai thác thủy sản có gắn trang thiết bị lạnh, hệ thống làm lạnh để bảo quản sản phẩm phải làm đơn xin phép và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định.

Các trang thiết bị lạnh phải được cơ quan chức năng kiểm tra an toàn kỹ thuật. Thợ lạnh phải được cơ quan y tế kiểm tra sức khỏe định kỳ, có giấy chứng nhận thợ lạnh và phải mua bảo hiểm.

Điều 5. Các nghề hạn chế khai thác

1. Các nghề khai thác thủy sản kết hợp ánh sáng phải thực hiện quy định về việc sử dụng nguồn sáng như sau:

- Tại vùng biển ven bờ: tổng công suất các cụm chiếu sáng của mỗi đơn vị khai thác không được vượt quá 200w với nghề rờ, vó cất lưới bằng trục quay tay, 500w với nghề câu Mực.

- Tại vùng lộng: tổng công suất chiếu sáng của mỗi đơn vị khai thác các nghề lưới vây, vó, mảnh, câu Mực, chụp Mực, pha xúc không được vượt quá 5.000w; công suất của mỗi bóng đèn trong pha xúc không được vượt quá 2.000w và vị trí lắp đặt đèn pha phải cách mặt nước trên 1,2 m.

2. Cấm phát triển các nghề sau:

- Các nghề khai thác thủy sản kết hợp ánh sáng hoạt động tại vùng biển ven bờ và vùng lộng.

- Các nghề te, xiệp, đáy trong sông, đáy trong đầm, vịnh.

- Tàu lắp máy có tổng công suất máy chính dưới 90 CV làm nghề lưới kéo cá.

- Tàu có tổng công suất máy chính dưới 50 CV làm các nghề khác.

Điều 6. Bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản

1. Nghiêm cấm các hành vi khai thác, hủy hoại các rạn đá ngầm, san hô, các bãi cỏ biển và các sinh cảnh đặc biệt khác, ngoại trừ các dự án đã được phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường.

2. Những đối tượng bị cấm khai thác: theo Phụ lục tại Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Những đối tượng bị cấm khai thác có thời hạn trong năm: theo Phụ lục tại Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Phụ lục 1 của Quyết định này đối với các khu vực và thời gian được phép khai thác Rong Mơ trong năm.

Điều 7. Kích thước các loài thủy sản được phép khai thác

Thực hiện theo phụ lục tại Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Xây dựng các văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện Quy định này.
2. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên Phòng tỉnh, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan truyền thông tổ chức triển khai thực hiện, phổ biến đến tận tổ chức cá nhân có hoạt động trong lĩnh vực thủy sản.
3. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện thống nhất chỉ đạo việc khảo sát, xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
4. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển tàu cá, cơ cấu nghề nghiệp khai thác hợp lý nhằm bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản theo hướng bền vững.
5. Chỉ đạo Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản thực hiện việc cấp, thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản theo quy định.
6. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá, thuyền viên và những người làm việc trên tàu cá về nghề nghiệp, chuyên môn, nghiệp vụ.
7. Tham mưu ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề nghiệp khai thác vùng biển ven bờ; phát triển nghề cá giải trí; thực hiện quản lý dựa vào cộng đồng đối với vùng biển ven bờ.
8. Dự toán kinh phí thực hiện hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 9. Trách nhiệm của các Sở, ngành, đơn vị liên quan

1. Các Sở: Kế hoạch Đầu tư, Tài nguyên Môi trường, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nội dung công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền.
2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên biển, không để xảy ra những vụ vi phạm hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
3. Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Khánh Hòa thường xuyên đưa tin, bài tuyên truyền, phản ánh công tác này.

Điều 10. Trách nhiệm UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền phổ biến các quy định tại Quyết định này để nhân dân biết, thực hiện; tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan chức năng thực hiện tốt Quyết định này trên địa bàn.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với cơ quan chuyên ngành thủy sản, các lực lượng chức năng thường xuyên thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý những vụ việc vi phạm; phản ánh kịp thời diễn biến xảy ra trong công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

W. V. B. 15/15

Phụ lục 1:

Các khu vực và thời gian được phép Khai thác Rong Mơ trong năm
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2013/QĐ-UBND ngày
tháng năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	Địa điểm khai thác	Thời gian khai thác	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Khu vực Xuân Hà, Xuân Ninh, Xuân Tự, Hòn Bịp, Hòn Tri, Sùng Rong (vịnh Vân Phong)	15 tháng 4	15 tháng 9
2	- Khu vực Hòn Khói (xã Ninh Hải) - Khu vực Hòn Mỹ Giang, Hòn Khô (xã Ninh Phước); - Khu vực Bãi Cỏ, Bãi Dài, Bãi Bàng (xã Ninh Vân)	15 tháng 5	15 tháng 10
3	- Khu vực Rạn Ngâm (xã Ninh Phước) - Khu vực Rạn Chảo (xã Ninh Vân)	01 tháng 8	31 tháng 12
4	Khu vực Lương Sơn, Đảo Khí, Hòn Thị (Đầm Nha Phu)	15 tháng 4	15 tháng 9
5	Khu vực Hòn Chông, Sông Lô, Mũi Cá Sấu (đảo Trí Nguyên); Xóm Bầu (phường Vĩnh Nguyên)	15 tháng 4	15 tháng 9
6	Khu vực Bãi Tiên, Ba Làng, Đường Đệ, Hòn Rùa, Hòn Tre (vịnh Nha Trang)	15 tháng 5	15 tháng 10
7	Khu vực Bãi Cạn Lớn (vịnh Nha Trang)	01 tháng 8	31 tháng 12
8	Khu vực Cam Lập, Đảo Bình ba (Cam Ranh)	15 tháng 5	15 tháng 10

